

## TỔNG QUAN BẢNG XẾP HẠNG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA THOMSON REUTERS

TRẦN NAM BÌNH\*, NGUYỄN VĂN KHƯƠNG\*\*

### TÓM TẮT

Thomson Reuters là bảng xếp hạng các trường đại học có uy tín và tin cậy. Các tiêu chuẩn chính tập trung đánh giá về những hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, chuyển giao tri thức và quan hệ quốc tế. Bảng xếp hạng các trường đại học hàng đầu thế giới có sử dụng 13 chỉ số trong việc tập hợp dữ liệu, cho điểm đánh giá một cách chi tiết, cẩn thận và toàn diện tất cả các mặt dựa trên những dữ liệu đáng tin cậy của sinh viên, nhà khoa học, nhà quản lý các trường đại học, của doanh nghiệp và của cả Chính phủ.

**Từ khóa:** xếp hạng các trường đại học, bảng xếp hạng của Thomson Reuters.

### ABSTRACT

#### *An overview of Thomson Reuters's University ranking*

Thomson Reuters is a reliable and well-known university ranking system. The main standards focus on assessing teaching practices, research, knowledge transfer and international relations. The ranking utilizes 13 indicators in collecting data, giving points detailedly, carefully and comprehensively to all aspects based on reliable data from students, scientists, university managers, enterprises and governments.

**Keywords:** university ranking, Thomson Reuters.

### 1. Phương pháp đánh giá và xếp hạng

#### a) Tiêu chí chọn các trường đại học

Trong bảng xếp hạng các trường đại học hàng đầu thế giới của Thomson Reuters có xem xét tất cả những khía cạnh hoạt động của một trường đại học bao gồm những hoạt động về đào tạo giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động chuyển giao tri thức và quan hệ quốc tế. Chỉ những trường đại học đủ tiêu chuẩn mới được đưa vào xếp hạng và đánh giá. Các trường không dạy sinh viên đại học, các trường giảng dạy chuyên ngành hẹp hay kết quả nghiên

cứu thể hiện ở việc số công trình được công bố trong 5 năm gần nhất thấp hơn 1000 công bố (nhỏ hơn 200 công bố trong một năm) sẽ không được đưa vào xem xét, đánh giá xếp hạng.

#### b) Tiêu chuẩn xếp hạng và trọng số

Các trường đại học được xếp hạng dựa trên một số chỉ số được chia theo từng nhóm về thành tích học tập, nghiên cứu, chuyển giao tri thức, nguồn thu từ xã hội và quan hệ quốc tế. Các tiêu chí được lựa chọn một cách cẩn thận, dựa trên những số liệu thực tế đáng tin cậy từ sinh viên, nhà quản lý của các trường đại học, từ giới doanh nghiệp và từ phía

\* TS, Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Bộ Khoa học và Công nghệ; Email: tnbinh@most.gov.vn

\*\* NCS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

Chính phủ. Cơ cấu tính trọng số sẽ thay đổi cho mỗi ngành khoa học khác nhau sẽ có những cơ cấu trọng số khác nhau. Ví dụ, cơ cấu tính điểm trọng số cho ngành Kỹ thuật và Công nghệ cụ thể bao gồm:

- Hoạt động đào tạo: Thể hiện môi trường đào tạo (chiếm 30% tổng số điểm).
- Hoạt động nghiên cứu: Số công trình công bố, nguồn thu từ khoa học và danh tiếng khoa học (chiếm 30% tổng số điểm).
- Chỉ số trích dẫn: Thể hiện ảnh hưởng khoa học (chiếm 27,5% tổng số điểm).
- Thu nhập từ xã hội: Thông qua quá trình đổi mới sáng tạo (chiếm 5,0% tổng số điểm).
- Quan hệ quốc tế: Thể hiện ở số nhân viên, số sinh viên và các nhà nghiên cứu (chiếm 7,5% tổng số điểm).

Trong thực tế cho điểm đánh giá, tùy mục tiêu đánh giá mà điểm trọng số cho chỉ tiêu là khác nhau. Ví dụ, mục đích đánh giá thiên về các hoạt động khoa học thì những chỉ số như nhà nghiên cứu có số trích dẫn khoa học cao, số bài báo đăng trên tạp chí Nature hay Science, chỉ số trích dẫn cao và kết quả hoạt động bình quân đầu người của một tổ chức thì trọng số cho điểm sẽ cao hơn những trọng số khác còn lại. Đối với mỗi chỉ số, tổ chức chấm điểm cao nhất được gán một số điểm là 100 và các tổ chức khác được tính theo phần trăm số điểm cao nhất. Sự phân bố dữ liệu cho mỗi chỉ số được kiểm tra đối với bất kỳ số liệu sai lệch hoặc thiếu. Phương pháp thống kê tính lệch chuẩn (Z score) được

sử dụng để điều chỉnh các chỉ số nếu cần thiết. Điểm cho mỗi chỉ số có trọng số (như bảng dưới đây) được thể hiện trong Bảng xếp hạng của Thomson Reuters để đi đến một điểm chung cuối cùng cho một tổ chức. Thứ hạng của một tổ chức được xếp từ thấp đến cao, thứ hạng thấp thể hiện năng lực vượt trội hơn của một tổ chức so với các tổ chức khác xếp hạng sau.

Đối với những kết quả dựa vào số liệu điều tra như điều tra về danh tiếng của một trường, do phụ thuộc vào số liệu thu được từ những lá phiếu là ít hơn so với số đông thực tế, nên trong Bảng xếp hạng của Thomson Reuters đã áp dụng phương pháp tính độ lệch chuẩn trung bình theo cấp số nhân để tăng độ tin cậy của quá trình cho điểm, đánh giá sự khác nhau về kết quả điều tra theo lá phiếu của các trường được đưa ra chấm điểm xếp hạng.

## **2. Đánh giá bảng xếp hạng các trường đại học của Thomson Reuters**

Bảng xếp hạng các trường đại học của Thomson Reuters là hệ thống xếp hạng đại học được đánh giá là khách quan, minh bạch, đáng tin cậy và cho kết quả ổn định nhất hiện nay, được đông đảo các trường chấp nhận. Cách xếp hạng của Thomson Reuters chủ yếu xem xét thành tích đào tạo thể hiện ở môi trường học thuật; thành tích khoa học thể hiện ở kết quả các công trình công bố, nguồn thu và danh tiếng của trường; chất lượng nghiên cứu thể hiện ở dữ liệu thống kê số đo về chỉ số trích dẫn trên số công trình công bố; đánh giá tác động đến nền kinh tế thông qua tính tỉ lệ nguồn thu từ các

doanh nghiệp thể hiện tính đổi mới, sáng tạo trong hoạt động nghiên cứu khoa học của trường. Các nhà xây dựng Bảng xếp hạng của Thomson Reuters sử dụng số liệu từ các nguồn thông tin sẵn có của bên thứ ba, không sử dụng số liệu do các trường cung cấp.

Có thể dễ dàng nhận thấy bảng xếp hạng của Thomson Reuters đưa 5 nhóm tiêu chí để đánh giá với 13 chỉ tiêu đánh giá khác nhau, việc cho điểm là khác nhau đối với mỗi nhóm ngành lĩnh vực và trong cả 13 chỉ tiêu đánh giá riêng, thêm vào đó là có sự chia ngành, lĩnh vực khoa học khác nhau với những điểm trọng số khác nhau. Đây là những tiêu chí định lượng quan trọng có thể đại diện sản phẩm hoạt động khoa học nói chung cho các tổ chức nghiên cứu phát triển và các trường đại học nghiên cứu. Các tiêu chí

này đều định lượng được một cách có cơ sở khoa học đáng tin cậy và được coi là những tiêu chí bắt buộc khi đánh giá các tổ chức. Đối với Việt Nam, những tiêu chí này còn tương đối cao (xuất bản trên các tạp chí uy tín như Nature và Science) hay do đặc thù của ngành Khoa học Xã hội nhân văn, các ấn phẩm của Việt Nam trên các tạp chí loại này còn hạn chế. Tuy nhiên, chúng ta cũng có thể áp dụng những tiêu chí này ở mức độ tính cho các ấn phẩm ISI, SCIE, SSCI và áp dụng cho trọng số thấp hơn. Điều này hoàn toàn phù hợp với điều kiện hiện tại của Việt Nam nhưng vẫn tiệm cận đến chuẩn mực đánh giá trên thế giới, dễ dàng được chấp nhận và có tính khả thi cao hơn.

Các chỉ số và trọng số trong bảng xếp hạng của Thomson Reuters như sau:

**Bảng xếp hạng của Thomson Reuters**

Các chỉ tiêu			Trọng số của nhóm	Trọng số chỉ tiêu	N g à n h K y t h u a t v à C ô n g n g h e	Trọng số của nhóm	Trọng số chỉ tiêu	N g à n h K h o a h o c X ã h o i	Trọng số của nhóm	Trọng số chỉ tiêu
Tỷ lệ sinh viên trên đội ngũ giảng viên	1	Đào tạo: môi trường học thuật	37.5	3.8	K y t h u a t v à C ô n g n g h e	30.0	3.0	N g à n h K h o a h o c X ã h o i	32.5	3.3
Tỷ lệ số bằng tiến sỹ trên số sinh viên	2			1.9			1.5			1.6
Tỷ lệ tiến sỹ trên số giảng viên	3			4.7			4.5			4.9
Điều tra danh tiếng trường trong đào tạo	4			25.3			19.5			21.1
Tỷ lệ thu nhập từ các viện trên số giảng viên	5			1.9			1.5			1.6
Tỷ lệ bài báo công bố trên số giảng viên	6	Nghiên cứu : Công trình công bố, nguồn thu và danh tiếng	37.5	3.8	K y t h u a t v à C ô n g n g h e	30.0	4.5	N g à n h K h o a h o c X ã h o i	32.5	4.9
Tỷ lệ thu nhập trong nghiên cứu trên số giảng viên	7			3.8			4.5			4.9
Điều tra danh tiếng của trường trong nghiên cứu	8			30.0			21.0			22.7
Số trích dẫn : tác động nghiên cứu	9			15			27.5			25.0
Tỷ lệ nguồn thu từ doanh nghiệp trên tổng số giáo viên	10	Thu từ công nghiệp: tính đổi mới	2.5	2.5	N g à n h K h o a h o c X ã h o i	5.0	5.0	32.5	2.5	
Tỷ lệ giảng viên nước ngoài trên giảng viên trong nước	11	Quốc tế hoá và hội nhập	2.5	2.5		2.5	2.5			
Đóng tác giả là người nước ngoài	12		7.5	2.5		2.5	2.5			
Tỷ lệ sinh viên nước ngoài với sinh viên trong nước	13		2.5	2.5		2.5				

Nguồn: [10]

Các tiêu chí này về cơ bản chưa làm rõ nét bản chất hoạt động khoa học trong các trường đại học, chỉ mới đề cập khía cạnh mang tính truyền thống, thương hiệu và danh tiếng của tổ chức. Đối với các trường đại học ở châu Á, tiêu chí này là quá cao về trình độ, hiện tại chỉ một số trường đại học của Nhật Bản, Hàn Quốc và Australia là có thể đáp ứng được tiêu chí này, tuy nhiên số lượng là rất thấp so với nhóm đầu của bảng xếp hạng.

Mặc dù có nhiều ưu điểm, nhưng Bảng xếp hạng của Thomson Reuters vẫn chưa phù hợp với các trường đại học của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Những tiêu chí khắt khe về thành tích khoa học khiến cho Bảng xếp hạng của Thomson Reuters chỉ phù hợp với những trường đại học nghiên cứu của các nước phát triển – chủ yếu là hệ thống Anh - Mỹ và châu Âu. Bảng xếp hạng này hoàn toàn không quan tâm đến việc cung cấp thông tin so sánh về các trường đại học của các nước có trình độ phát triển thấp như Việt Nam hoặc những khu vực khác trên thế giới. Các tiêu chí còn cao so với các trường đại học trong khu vực châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng. Việt Nam cần thời gian dài mới đạt đến tầm có tiêu chí được xếp hạng. Các tiêu chí không đủ để phản ánh toàn bộ đặc điểm thực chất của hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học và cũng không nhằm để nói lên sự khác biệt về chất lượng giữa các trường thông qua việc tính điểm và xếp hạng. Bảng phân hạng này có một cách tiếp cận được giản lược hóa nhằm phục vụ cho mục tiêu phân loại vẫn đang được sử dụng để phân loại các trường đại

học ở Hoa Kỳ, Nhật Bản và các nước khác. Đối với mục tiêu xây dựng tiêu chí và phương pháp đánh giá hoạt động khoa học tại các trường đại học, chúng ta cần một cách tiếp cận đa diện hơn và khả thi hơn, bao gồm sự nhận thức đầy đủ về tất cả các nhân tố và giá trị cốt lõi làm thành đặc điểm hoạt động nghiên cứu khoa học của một trường đại học. Theo cách tiếp cận tổng hợp, các tiêu chí này bao gồm cả các nhân tố đầu vào (con người và nguồn lực), đầu ra (thành quả nghiên cứu và đào tạo) lẫn quá trình tự chủ, tự do học thuật, văn hóa khoa học và tính chất toàn cầu. Những đặc điểm đó khiến nó trở nên khác biệt, dễ nhận biết và đánh giá so với những tổ chức nghiên cứu phát triển khác và là những điều kiện cần và đủ cho hoạt động nghiên cứu của một trường đại học. Về mặt thực tiễn, cần có cơ sở khoa học xây dựng các tiêu chí và phương pháp đánh giá phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam nhưng vẫn đảm bảo tính hội nhập và chuẩn hóa quốc tế, đó là thước đo tiêu chuẩn khi đánh giá, xếp hạng trong khu vực và thế giới. Đối với các trường, việc nhận thức đầy đủ về tiêu chí và phương pháp đánh giá sẽ giúp họ tự điều chỉnh, đi đến những lựa chọn chiến lược cần thiết, tập trung đầu tư phát triển để đạt được chuẩn khu vực và quốc tế.

### 3. Kết luận

Bảng xếp hạng của Thomson Reuters đưa ra 5 nhóm tiêu chí để đánh giá với 13 chỉ tiêu đánh giá khác nhau. Đối với mỗi nhóm ngành, lĩnh vực, việc cho điểm cũng khác nhau trong cả 13 tiêu chí. Đây là những tiêu chí định lượng

quan trọng có thể đại diện sản phẩm hoạt động khoa học cho các tổ chức nghiên cứu phát triển và các trường đại học nghiên cứu.

Đối với Việt Nam, những tiêu chí này còn tương đối cao. Tuy nhiên, chúng

ta cũng có thể áp dụng những tiêu chí này ở mức độ tính cho các ấn phẩm ISI, SCIE, SSCI và áp dụng cho trọng số thấp hơn để phù hợp với điều kiện thực tế và có tính khả thi cao hơn.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tân Đại, Vũ Thị Phương Anh (2011), *Xếp hạng đại học và chất lượng giáo dục, Xếp hạng đại học, chất lượng giáo dục và hội nhập quốc tế*, Nxb Đại học Quốc gia TPHCM.
2. Altbach G., (2007), *Doctoral education in the United States, tradition and transition, the interational imperative in higher education*, Boston College and Sense Publishers, pp 67-84, Bản dịch tiếng Việt của Phạm Thị Ly, “Đào tạo tiến sĩ ở Hoa Kỳ”, Bản tin Giáo dục Quốc tế 2008.
3. Ben Wildavsky (2010), *Great Brain Race: How Global Universities are Shaping the World*, Princeton University Press.
4. Garfield, E. (1972). Citation analysis as a tool in journal evaluation. *Science*, 178(4060), 471–479.
5. Geiger R. I. (2004), *Money and Knowledge: Research University and the Paradox of Marketplace*, Stanford University Press.
6. Moed, H. F. (2002), The impact-factors debate: the ISI’s uses and limits, *Nature*, 415(6873), 731–732.
7. Paul Mooney (2006), *The Long Road Ahead for China's Universities*, Chronicle of Higher Education, May 16, 2006. Bản tiếng Việt do Phạm Thị Ly dịch, CIECER’s Newsletter Feb, 2009.
8. Van Raan, A. F. J. (2005), Fatal attraction: Conceptual and methodological problems in the ranking of universities by bibliometric methods, *Scientometrics*, 62(1), 133–143.
9. Wouters, P. (2006), Aux origines de la scientométrie, *Actes de la recherche en sciences sociales*, 2006/4(164), 11–22.
10. <http://www.timeshighereducation.co.uk/world-university-rankings/2014-15/world-ranking/methodology>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 09-01-2015; ngày phản biện đánh giá: 17-3-2015; ngày chấp nhận đăng: 22-7-2015)